

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả: - Xuân Diệu (1916-1985) là một cây bút có sức sáng tạo mãnh liệt, dồi dào, bền bỉ, có đóng góp to lớn cho nền văn học Việt Nam hiện đại.

- Ông là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới”.

- Thơ Xuân Diệu viết nhiều về tình yêu, mùa xuân và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, yêu đời và thẩm thiết.

2. Bài thơ: - Xuất xứ: in trong tập “Thơ thơ” (1938), là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước CMT8.

- Chủ đề: Bộc lộ niềm khát khao sống mãnh liệt, sống hết mình và quan niệm mới mẻ của nhà thơ về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc,...

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Nội dung:

a. Phần 1 (Từ đầu -> bao giờ nữa): Tác giả bộc lộ niềm sung sướng ngất ngây trước cảnh sắc tươi đẹp của trần gian và đưa ra những lí lẽ để giải thích vì sao phải sống vội vàng.

***13 câu đầu khẳng định cuộc sống trần thế đẹp như một thiên đường, thật đáng yêu, đáng sống:**

- **Bốn câu đầu thể hiện khát vọng táo bạo, mãnh liệt của Xuân Diệu** : “muốn tắt nắng, buộc gió” để lưu giữ những hương sắc của cuộc đời; để bắt tử hóa cái đẹp.

- **Bảy câu tiếp: thi sĩ đã phát hiện và say sưa ngợi ca một thiên đường ngay trên mặt đất:**

+ **Đó là một khu vườn mùa xuân trinh nguyên, e ấp, lung linh hương sắc, rộn rã âm thanh.**

++ Cảnh vật hiện lên vừa gần gũi, thân quen, tươi mới, tràn đầy sức sống, niềm vui vừa tình tứ, quyến rũ: **Ong bướm** đang trong “tuần tháng mật”. **Hoa đồng nội** xanh rì, e ấp làm duyên. **Lá của cành tơ** phơ phất nua, đầy sức sống. **Tiếng hót của chim yến anh** như một “khúc tình si” rạo rực lòng người. **“Ánh sáng chớp hàng mi”**, ánh sáng rực rỡ của cỏ cây, hoa lá khi được ánh nắng ban mai soi rọi, bừng sáng lên lấp lánh...

++ Điệp từ “này đây”, biện pháp liệt kê, nhân hóa, ẩn dụ, so sánh được sử dụng tài tình, giọng điệu thơ say mê, nhịp điệu thơ gấp gáp,

-> **vừa** chỉ sự phong phú, bất tận, sự quyến rũ của thiên nhiên tạo vật;

-> **vừa** diễn tả sự trầm trồ, ngạc nhiên, niềm vui sướng, say mê, thích thú của Xuân Diệu.

+ **Vẻ đẹp thiên nhiên, sự sống quen thuộc được thi sĩ cảm nhận và diễn tả bằng hình ảnh độc đáo, sáng tạo** “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”.

++ Đây là một so sánh mới lạ, táo bạo, bất ngờ. Xuân Diệu lấy vẻ đẹp của con người làm chuẩn mực để so sánh, làm nổi bật vẻ đẹp tình tứ, quyến rũ của thiên nhiên.

-> **Qua đó, nhà thơ đã thể hiện một quan niệm mới về cuộc sống, tuổi trẻ và hạnh phúc:**

Đối với Xuân Diệu, **thế giới này đẹp nhất**, mê hồn nhất là vì có con người giữa tuổi trẻ và tình yêu. **Thời gian quý giá nhất** của đời người là tuổi trẻ, mà **hạnh phúc lớn nhất** của tuổi trẻ chính là tình yêu. Biết tận hưởng chính đáng những gì mà cuộc sống dành cho mình, hãy sống **mãnh liệt, sống hết mình**, nhất là những tháng năm tuổi trẻ. Đó là quan niệm mới, tích cực, thấm đượm tinh thần nhân văn sâu sắc.

++ Từ “**ngon**” được sử dụng rất đắt, có sự tương giao cảm giác, cho thấy lòng yêu đời vô vấp, đắm say của Xuân Diệu.

- **Hai câu cuối: + bộc lộ tâm trạng vừa sung sướng, vừa vội vàng của thi sĩ:** một Xuân Diệu yêu đời, sung sướng tận hưởng vẻ đẹp và hạnh phúc mà cuộc đời ban tặng và một Xuân Diệu vội vàng, cuống quýt bởi lo sợ thời gian trôi đi.

+ Vì thế, nhà thơ đã nhớ mùa xuân ngay lúc mùa xuân đang rực rỡ, tươi đẹp nhất “Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”.

***16 câu tiếp : Nhà thơ tiếp tục bộc lộ cảm xúc và đưa ra những luận lí để giải thích vì sao phải sống vội vàng.**

- Để thuyết phục mọi người lối sống vội vàng, Xuân Diệu đã đưa ra quan niệm về thời gian. Với Xuân Diệu, thời gian tuyến tính, một đi không trở lại. Thi sĩ đã lập luận rất chặt chẽ:

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua

...Nên băng khuâng tôi tiếc cả đất trời.

+ Nhà thơ đã tạo ra giọng điệu tranh luận nhằm đối thoại, thúc giục với những ai đang yên tâm với quỹ thời gian tuần hoàn.

+ Thao tác giải thích được sử dụng hiệu quả, nhằm lí giải, khẳng định một quy luật hiển nhiên: “xuân tới - xuân qua - xuân hết - tôi cũng mất”.

+ Các cặp từ có quan hệ đối lập xuất hiện liên tiếp, diễn tả được tâm trạng luyến tiếc, băng khuâng, lo lắng của nhà thơ về sự ngắn ngủi, mong manh của kiếp người, của tuổi trẻ trước sự trôi đi nhanh chóng của thời gian.

- Vì lấy cuộc đời, tuổi trẻ của con người để làm thước đo thời gian nên cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu nhuộm màu mất mát, chia lìa. Mỗi khoảnh khắc qua đi là một sự mất mát vĩnh viễn. Vạn vật dường như cũng lo sợ trước sự trôi chảy của thời gian:

Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi

...Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?

Sơ kết : + Đoạn thơ bộc lộ lòng yêu đời mê say, cuồng nhiệt của Xuân Diệu.

+ Qua đoạn thơ, tác giả đã thuyết phục người đọc, người nghe một lẽ sống đẹp: cuộc sống trần thế đẹp như một thiên đường, thật đáng yêu, đáng sống; trong khi đó thời gian một đi không trở lại, tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại; vì thế phải sống vội vàng để tận hưởng hạnh phúc chính đáng mà cuộc đời ban tặng.

b. Phần còn lại: Nêu cách “thực hành” lối sống vội vàng:

- Với Xuân Diệu, để sống vội vàng, cần chạy đua với thời gian, sống mãnh liệt, sống hết mình, quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời, nhất là những tháng năm tuổi trẻ. Lời thơ giục giã: “Mau đi thôi ! Mùa chưa ngả chiều hôm”.

=> Quan niệm sống vội vàng của Xuân Diệu rất tích cực, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

- Bài thơ đã khép lại bằng niềm khát khao cháy bỏng của một cái tôi cá nhân yêu đời ham sống:

“ Ta muốn ôm

...- Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi ! ”

+Điệp ngữ “ta muốn” được sử dụng hiệu quả.

+Giọng điệu say mê, sôi nổi.

+ Từ ngữ, hình ảnh sáng tạo, mới lạ,

+ Nhiều động từ mạnh có tính chất tăng tiến “ôm, riết, thấu, cắn” ...

-> Đoạn thơ diễn tả tâm trạng vội vàng, cuồng quýt, niềm khát khao cháy bỏng của Xuân Diệu: được tình tự với thiên nhiên, được hòa duyên cùng sự sống. Bởi với thi sĩ, cuộc đời, tuổi trẻ, mùa xuân giống như một trái chín ứng hồng, gợi nhiều khát khao cho con người “Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi”.

-> Có thể nói, Xuân Diệu không chỉ ham sống mà ông “say sống”, sống mãnh liệt, hời hả.

2. Nghệ thuật : - Bài thơ có **sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc và mặt luận lí.**

- Giọng điệu sôi nổi, say mê.

-Ngôn từ, hình ảnh mới lạ, độc đáo, sáng tạo...

3.Ý nghĩa văn bản: - Bài thơ cho ta thấy lòng yêu đời mê say, cuồng nhiệt của Xuân Diệu- một thi sĩ luôn khát khao giao cảm với đời.

- Đồng thời, qua bài thơ, ta thấy được những quan niệm nhân sinh tích cực của Xuân Diệu về thời gian, tuổi trẻ, về cuộc đời, về mùa xuân và về lối sống vội vàng.

Bài THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ: GHI PHẦN GHI NHỚ TẠI SGK TR.26

Đọc văn : Tràng giang -Huy Cận-

I.Tìm hiểu chung:

1.Tác giả : - Huy Cận (1919 – 2005) là một nhà thơ lớn, một trong những đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ *ảo não*.

- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ: Bài thơ được viết vào mùa thu 1939, in trong tập “Lửa Thiêng”, cảm xúc được khơi gợi chủ yếu từ cảnh sông Hồng mênh mang sóng nước...

b. Ý nghĩa nhan đề:

- “Tràng giang” có nghĩa là sông dài, khác với Trường giang - dòng sông ở Trung Quốc.

- **Vần “ang”** được lấy lại 2 lần, tạo âm hưởng trầm buồn, vang xa, tạo ra được âm hưởng chung cho giọng điệu của toàn bài; đồng thời gợi ra được hình ảnh dòng sông dài rộng, mênh mang sóng nước.

- **Nhan đề được viết bằng chữ Hán**, tạo sắc thái trang trọng, cổ kính, gợi ra được vẻ đẹp văn hoá, vĩnh hằng của dòng sông mà ở 2 từ “sông dài” không thể có.

=> “Tràng giang” là một nhan đề hay, giàu sức gợi, góp phần bộc lộ tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

c. Câu thơ đề từ: “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” đã thu tóm toàn bộ cảm xúc của toàn bài: đứng trước cảnh trời rộng sông dài, nhà thơ **bâng khuâng hoài niệm, yêu cảnh và thương nhớ quê hương da diết**.

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Nội dung :

a. Khổ 1: Khổ thơ được mở ra bằng hình ảnh dòng sông mênh mông sóng nước:

- **Ba câu đầu mang đậm chất Đường thi** với những hình ảnh gợi buồn:

+ một con thuyền nhỏ nhoi, lênh đênh, trôi dạt giữa dòng sông rộng lớn, mênh mông;

+ những con sóng nhấp nhô không dứt gợi nỗi buồn miên man “buồn điệp điệp”.

+ Cảnh chia lìa tan tác. Thuyền về nước lại đi. Nỗi sầu bao phủ khắp không gian, đất trời.

- **Câu thơ thứ 4 mang nét hiện đại** với một hình ảnh rất đời thường, rất quen thuộc với quê hương Việt Nam: **Hình ảnh một cành củi khô đơn lẻ** trôi nổi giữa dòng tràng giang bất tận **vừa** mang nghĩa tả thực, **vừa** gợi liên tưởng về thân phận của những kiếp người nhỏ bé, cô đơn, bơ vơ, lạc lõng giữa dòng đời. Đó có thể là cái tôi cô đơn của Huy Cận và của cả thế hệ cùng thời.

b. Khổ 2: Nỗi buồn như thấm sâu vào cảnh vật:

- Cặp từ láy “lơ thơ”, “đìu hiu” gợi cảm giác cô đơn, trống vắng, quạnh quẽ...

- **Câu thơ “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”** có thể hiểu theo 2 cách:

+ **Cách hiểu thứ nhất:** đâu có tiếng làng xa, tiếng chợ chiều, chỉ có cảnh tràng giang mênh mông sóng nước.

+ **Cách hiểu thứ hai:** ở đâu đó có tiếng làng xa, tiếng chợ chiều nhưng đó là âm thanh đã vãn, đã dần tắt lịm, thê lương

-> Dù hiểu theo cách nào thì **hình ảnh chợ chiều đã vãn** trong câu thơ cũng tô đậm thêm một nỗi buồn, tô đậm thêm sự cô tịch, vắng lặng, hoang vu...

- **Đến 2 câu tiếp**, không gian được mở rộng thêm và đầy cao hơn :

+ **Hai động từ ngược hướng “xuống” và “lên”** gợi cảm giác chuyển động rõ rệt. Nâng xuống đến đâu, đẩy bầu trời lên cao đến đó.

+ **Cụm từ “sâu chót vót”** được nhà thơ sử dụng sáng tạo, tài hoa. Từ “sâu” gợi ấn tượng về sự hun hút, thăm thẳm, khôn cùng. Từ “chót vót” khắc họa được chiều cao dường như vô tận

-> Không gian càng cao, càng rộng, càng sâu thì cảnh vật càng vắng lặng. Con người trở nên nhỏ bé, rợn ngợp trước sự rộng lớn, vĩnh hằng của vũ trụ.

c. Khổ 3: Tác giả tiếp tục hoàn thiện bức tranh tràng giang với những hình ảnh gợi buồn:

- Toàn cảnh tràng giang rộng lớn, tuyệt nhiên không có bóng dáng con người, **không một chuyến đò, không một chiếc cầu** để nổi niềm vui đôi bờ, để đưa con người đến với con người. Cảnh tràng giang ở đây chỉ có thiên nhiên với thiên nhiên, “bờ xanh tiếp bãi vàng” lặng lẽ, hoang vu.

- **Hình ảnh những cánh bèo nổi đuôi nhau trôi dạt trên dòng sông** rộng lớn, mênh mông mang tính biểu tượng cao, gợi liên tưởng về sự trôi nổi, vô định của kiếp người giữa dòng sông rộng lớn.

- Ở khổ thơ này, **tác giả nhắc đến hình ảnh chiếc cầu, chuyến đò. Điều đó cho thấy niềm khát khao cháy bỏng được hoà nhập với cuộc đời của nhà thơ.** Đồng thời, lời thơ còn hé mở cho ta thấy nỗi buồn của Huy Cận không chỉ là nỗi buồn mênh mang trước cảnh trời rộng sông dài, mà còn là nỗi buồn bắt nguồn từ cuộc đời, từ nhân thế, từ cảnh quê hương, đất nước, làm than nô lệ.

d. Khổ 4 : Tác giả trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ nhà, nhớ quê của mình. Nỗi niềm ấy được thể hiện qua cách nhìn cảnh vật:

- Hai câu đầu vẽ lên bức tranh phong cảnh hùng vĩ, nên thơ.

+ **Thiên nhiên tuy buồn nhưng thật tráng lệ:** mùa thu, những đám mây trắng “đùn” lên ở phía chân trời, trùng điệp như những hòn núi bạc.

+ **Cánh chim nhỏ bé bay nghiêng báo hiệu chiều đang xuống. Hình ảnh cánh chim chiều** vừa ẩn dụ cho cái tôi cô đơn của nhà thơ, vừa gợi nỗi buồn xa vắng

- Đến hai câu tiếp, **tác giả trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ nhà, nhớ quê của mình :**

Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

+ Hai câu thơ mang ý vị **cổ điển**, gợi nhớ đến ý thơ của Thôi Hiệu trong bài Lầu Hoàng Hạc:

“Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu”
(Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai)
(Tản Đà dịch)

+ **Khi xưa**, đứng trước cảnh tràng giang trong buổi hoàng hôn, nhìn thấy khói sóng trên sông, Thôi Hiệu đã buồn bã chạnh lòng, nhớ nhà, nhớ quê hương.

+ **Ngày nay**, Huy Cận chẳng cần “khói hoàng hôn”, trong lòng ông vẫn “dợn dợn” nỗi nhớ nhà, nhớ quê.

+ Từ láy “**dợn dợn**” diễn tả nỗi buồn đang dâng lên thành cảm xúc, cảm giác rất cụ thể.

-> **Lời thơ cho thấy nỗi buồn của Huy Cận xuất phát từ cõi lòng nhớ quê hương da diết, sâu nặng** chứ không phải là do tác động của cảnh vật. **Nỗi buồn, nỗi nhớ quê của Huy Cận vì thế thường trực hơn, cháy bỏng hơn và cũng hiện đại hơn.**

2. Nghệ thuật:

- Bài thơ có **sự kết hợp hài hoà giữa hai hệ thống hình ảnh cổ điển và hiện đại.**

- **Nghệ thuật đối** được sử dụng hiệu quả, **bút pháp tả cảnh** giàu chất tạo hình.

- **Hệ thống từ ngữ**, đặc biệt là các từ láy mang giá trị gợi hình và biểu cảm cao...

3. Ý nghĩa văn bản : “Tràng Giang” là bài thơ mới mang vẻ đẹp cổ điển.

+ Bài thơ **khắc hoạ** bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ, đẹp mà buồn.

+ Qua đó, tác giả đã **bộc lộ nỗi sầu cô đơn của mình trước vũ trụ rộng lớn, thể hiện niềm khát khao được hoà nhập với cuộc đời và gửi gắm tình yêu quê hương, đất nước da diết, mãnh liệt.**

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả : - **Hàn Mặc Tử** (1912-1940) là người có số phận bất hạnh;

- là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt nhất trong phong trào Thơ mới, là “ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam” (Chế Lan Viên).

- Thơ Hàn Mặc Tử bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết, đốn đau.

2. Bài thơ : “**Đây thôn Vĩ Dạ**” lúc đầu có tên là “Ở đây thôn Vĩ Dạ” được viết năm 1938 in trong tập “Thơ điên” (sau đổi thành Đau thương), được gợi cảm hứng từ mối tình đơn phương của nhà thơ với cô gái Hoàng Thị Kim Cúc, cô gái quê ở Vĩ Dạ, một thôn nhỏ bên dòng sông Hương nơi xứ Huế thơ mộng và trữ tình.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Nội dung:

a. Khổ 1: Cảnh thôn Vĩ lúc bình minh và tâm trạng yêu đời của thi nhân.

- **Câu thơ mở đầu “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”** là câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái biểu cảm:

+ Đó có thể là lời trách móc nhẹ nhàng, lời mời gọi tha thiết của cô gái thôn Vĩ.

+ Đó cũng có thể là lời tự trách, tự hỏi, là ước ao thầm kín được trở về thăm thôn Vĩ của nhà thơ.

+ Hai chữ “về chơi” mang sắc thái thân mật, tự nhiên, chân tình.

- **Ba câu thơ sau: cảnh thôn Vĩ trong buổi bình minh:**

+ Câu thơ “Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên” như phác qua cái nhìn từ xa tới, chưa đến Vĩ Dạ nhưng đã thấy hàng cau thẳng tắp, cao vút, lấp lánh dưới ánh nắng ban mai.

. **Đây là một quan sát rất tinh tế của tác giả: cái đẹp của thôn Vĩ không phải là do “nắng”, hay “hàng cau” mà là do “nắng hàng cau”, sự hài hoà của ánh nắng vàng rực rỡ trên hàng cau tươi xanh.**

. Đặc biệt, câu thơ bảy chữ mà đã có tới hai chữ “nắng”, tưởng như Hàn Mặc Tử đã gọi đúng đặc điểm của nắng miền Trung: nắng nhiều và ánh nắng chói chang, rực rỡ ngay từ lúc bình minh.

. Không những thế, tác giả còn gọi được vẻ đẹp của nắng nơi đây, đó là “nắng mới lên” thật trong trẻo, tinh khiết, có cảm giác ánh nắng ấy đã làm bừng sáng cả khoảng trời hồi tưởng của nhà thơ.

+ **Câu thơ “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc” lại là cái nhìn thật gần của người như đang đi trong những khu vườn tươi đẹp của thôn Vĩ.**

. Chữ “mướt” -> **gợi được** vẻ tươi tốt, đầy sức sống của vườn cây cũng như cái sạch sẽ, láng bóng của từng chiếc lá cây dưới ánh nắng mặt trời.

. Ý thơ “Vườn ai mướt quá” như lời cảm thán mang sắc thái ngợi ca,

. “xanh như ngọc” là một so sánh tuyệt đẹp, **gợi hình ảnh** những tán lá cây xanh mướt, mướt mà được “nắng mới lên” chiếu xuyên qua, tạo nên màu xanh trong suốt và ánh lên như ngọc.

-> Phải có tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với cuộc sống; có ân tình thật sâu sắc, đậm đà với thôn Vĩ, nhà thơ mới lưu giữ được trong tâm trí mình nhiều hình ảnh sống động và đẹp đến thế!

+ **Sự xuất hiện của con người ở câu thơ “Lá trúc che ngang mặt chữ điền” càng làm cho cảnh vật trở nên sinh động hơn, có lẽ đó là chủ nhân của “vườn ai”.**

. Con người xuất hiện thật kín đáo, đúng với bản tính của người xứ Huế. Vì thế chỉ thấy thấp thoáng sau lá trúc che ngang là khuôn “mặt chữ điền”, khuôn mặt của những người cương trực, ngay thẳng, phúc hậu theo quan niệm của người xưa.

. **Với câu thơ này, nhà thơ càng gợi rõ hơn cái thần thái của thôn Vĩ : cảnh xinh xắn, người phúc hậu, thiên nhiên và con người hài hoà với nhau trong một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.**

=> Có thể nói, với những nét vẽ thoáng nhẹ nhưng Hàn Mặc Tử đã tái hiện được cái thần thái và vẻ đẹp hữu tình của thôn Vĩ. Đằng sau bức tranh phong cảnh là tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu con người tha thiết, là niềm băn khoăn day dứt, là khát khao được đến với thôn Vĩ của nhà thơ.

b. Khổ 2: Cảnh thôn vĩ buổi hoàng hôn và niềm đau cô lẻ, chia lìa, niềm khát khao cuộc sống của nhà thơ.

- Hai câu đầu bao quát toàn cảnh với hình ảnh gió mây chia lìa đôi ngả, “dòng nước buồn thiu hoa bắp lay” gợi nỗi buồn hiu hắt.

- Hai câu sau tả cảnh dòng sông Hương trong đêm trăng lung linh huyền ảo vừa thực vừa mộng. Đằng sau cảnh vật là tâm trạng vừa đau đớn, khắc khoải vừa khát khao cháy bỏng của nhà thơ.

+ **Hình ảnh con thuyền đơn côi nằm trên bến đợi sông trăng** là một sáng tạo thẩm mỹ, chất chứa tâm trạng của nhà thơ.

+ **Câu hỏi “Có chớ trăng về kịp tối nay”** cất lên thật khắc khoải, da diết, gợi ra một bi kịch nhói đau: dường như tác giả càng hi vọng, càng khát khao hạnh phúc lại càng thất vọng, đau đớn bởi dự cảm về cái chết, về bệnh tật, về tình người, về hạnh phúc chia xa.

+ **Chữ “kịp”** được dùng rất đắt, nó hé mở cho ta thấy bi kịch trên; đồng thời giúp ta thấy được trái tim yêu đời tha thiết của Hàn Mặc Tử. Con người ấy như đang chạy đua với thời gian để kịp sống, kịp yêu trong một hiện tại đầy bất hạnh.

c. Khổ 3: Nếu trong hai khổ thơ trên, ngòi bút Hàn Mặc Tử hướng đến thiên nhiên xứ Huế để bộc lộ tâm tư, thì ở khổ thơ thứ ba này nhà thơ trực tiếp tâm sự với người xứ Huế:

- Ở 2 câu thơ đầu, Hàn Mặc Tử đã hướng về “khách đường xa” để bộc lộ niềm nhớ mong khắc khoải và khát khao hoà hợp. Nhưng càng mong người đến gần, người lại càng xa xôi đến vô vọng. **Điệp ngữ “khách đường xa”** được lặp lại hai lần như nhấn mạnh thêm nỗi xót xa trong lòng tác giả. Bởi màu áo trắng là biểu tượng của sự tinh khôi, vì thế khoảng cách giữa nhà thơ với cô gái Huế càng trở nên xa cách, nhạt nhòa. Đó không chỉ là khoảng cách của không gian, thời gian mà còn là khoảng cách của lòng người, tình người.

- Đến 2 câu sau, Hàn Mặc Tử lại hướng về nơi đây, về hiện tại của chính mình để bộc lộ tâm trạng. Lời thơ trần trụi, day dứt, khắc khoải.

+ Tôi vẫn “mơ khách đường xa”, vẫn thăm thiết, đậm đà với em và người xứ Huế; **nhưng ở đây**, hình bóng của tôi đã bị sương khói phủ mờ. Liệu “tình ai có đậm đà?” có còn nhớ đến tôi?

+ **Câu thơ cuối mang chút hoài nghi, không chỉ là câu hỏi đặt ra với một người mà với cả cuộc đời**, thể hiện nỗi cô đơn, trống vắng trong tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời của nhà thơ.

2. Nghệ thuật:

- Bài thơ có sự hòa điệu giữa bút pháp tả thực, tượng trưng và lãng mạn, trữ tình. Cảnh xứ Huế **đậm nét tả thực** mà lại có **tâm khái quát, tượng trưng cao**.

- **Trí tưởng tượng** phong phú.

- Nghệ thuật **so sánh, nhân hóa, sử dụng câu hỏi tu từ** khéo léo;

- **Hình ảnh** sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo....

3. Ý nghĩa văn bản: Bài thơ khắc họa vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và bộc lộ lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.

THƠ CA CÁCH MẠNG Chiều tối (Mộ) - Hồ Chí Minh

I. Tiểu dẫn :

1. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ : “Chiều tối” là bài thơ thứ 31 trong tập “Nhật ký trong tù”, được Bác viết vào cuối thu năm 1942, trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

2. Một số câu dịch chưa sát nghĩa:

Câu 1: dịch đạt.

Câu 2: Cô vân (chòm mây lẻ)-> bản dịch bỏ mất từ “ cô”

Mạn mạn (trôi lững lờ) - > dịch “ trôi nhẹ” chưa đúng

Câu 3: dịch thừa từ “ tối”, làm mất đi thủ pháp điệp vòng ở cuối câu 3 sang đầu câu 4

Câu 4: tương đối thoát ý.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Nội dung: a. Hai câu đầu : Bức tranh thiên nhiên cảnh chiều tối:

* **Bức tranh thiên nhiên được vẽ lên bằng bút pháp chấm phá ước lệ, cổ điển:** trên bầu trời cánh chim đang bay về rừng tìm chốn ngủ, chòm mây đang chậm chậm trôi.

-> **Hình ảnh thơ hàm súc,**

+ **gợi thời gian chiều tối;**

+ **gợi không gian rừng núi âm u, hoang vắng;**

+ **gợi hoàn cảnh khắc nghiệt của người tù:** trước mặt là đêm, là rừng núi âm u, là nhà tù tăm tối, là nơi đất khách quê người, lại trong cảnh mất tự do. Hoàn cảnh ấy dễ làm cho con người ta chán nản, mệt mỏi bởi con chim còn có tổ có tông, còn con người lại không chốn nương thân, không biết đến bao giờ mới được tự do như cánh chim và chòm mây trên bầu trời kia!

***Thế nhưng Hồ Chí Minh đã vượt lên cảnh ngộ của mình bằng tâm hồn nhân ái, yêu thiên nhiên, sự sống và bằng ý chí nghị lực kiên cường.**

- **Người hướng về thiên nhiên, dõi theo từng biểu hiện của tạo vật** để sẻ chia, hòa cảm với một cánh chim mỏi, một chòm mây lẻ loi, để thấy được đó là cánh chim đang bay về rừng tìm chốn ngủ, về nơi trú ngụ bình yên; còn đám mây đang bay thong thả để tìm về nơi hội tụ chứ không phải là mây cuộn cuộn bão giông.

- **Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, hứng thơ vẫn đến với Hồ Chí Minh một cách tự nhiên.** Đọc hai câu thơ ta không hề thấy hình ảnh người tù mà thấy rất rõ hình ảnh của một bậc hiền triết phương Đông đang ung dung tự tại hòa mình vào mây trời. Đó chính là **sự hòa hợp giữa thép và tình**, giữa tâm hồn lãng mạn, nhân ái của thi nhân và bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ Cộng Sản.

b. Hai câu sau là bức tranh cuộc sống con người nơi xóm núi:

- Nếu hình ảnh cánh chim, chòm mây ở hai câu đầu được vẽ nên bằng bút pháp chấm phá ước lệ, cổ điển thì **hình ảnh người phụ nữ lao động ở đây được gợi tả một cách cụ thể, sinh động như bức tranh hiện thực.**

- **Hình ảnh thiếu nữ xóm núi xay ngô** làm toát lên vẻ trẻ trung, khỏe khoắn, sôi động; làm cho cuộc sống lao động bình dị nơi xóm núi hoang vắng, âm u càng trở nên đáng quý, đáng trân trọng biết bao! Hình ảnh đó đem lại cho người đi đường hơi ấm của sự sống, của niềm vui và hạnh phúc.

- **Thủ pháp điệp vòng** ở cuối câu ba và đầu câu bốn “ma bao túc- bao túc ma hoàn” có nhiều ý nghĩa :

+ tạo nên sự nối âm liên hoàn, nhịp nhàng như diễn tả vòng quay đều, không dứt của động tác xay ngô;

+ **làm nổi bật sự kiên trì, cần mẫn, chăm chỉ của người lao động.**

+ **diễn tả được nhịp điệu trôi chảy của thời gian:** thời gian trôi theo “cánh chim, chòm mây”, theo vòng quay của cối xay ngô và khi cối xay dừng lại thì lò than đã rực hồng, tức là trời đã tối.

- **Chữ “hồng” là nhãn tự của bài thơ**, như xua tan sự lạnh lẽo của bóng đêm, đem lại niềm vui, niềm lạc quan và tiếp thêm sức mạnh cho người tù trong hoàn cảnh khắc nghiệt, tối tăm.

=> Có thể thấy hình ảnh thiếu nữ xóm núi xay ngô, hạt ngô vừa xay xong và lò than rực hồng gợi nhớ công việc, sự nghỉ ngơi và sum họp, gợi nỗi nhớ gia đình, nhớ quê hương của Hồ Chí Minh nơi đất khách quê người. **Thế nhưng**, tâm hồn của nhà cách mạng vĩ đại đã vượt lên cảnh ngộ của mình để hướng về cuộc sống của người lao động nghèo. Người trân trọng, nâng niu cuộc sống ấy với cái nhìn nhân đạo, lạc quan và tấm lòng yêu cuộc sống, yêu nhân dân. Đó là cái nhìn của một con người suốt cuộc đời “Nâng niu tất cả chỉ quên mình” (Tố Hữu)

2. Nghệ thuật : - **Chiều tối là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật** mang vẻ đẹp cổ điển và hiện đại:

- **Ngôn ngữ** cô đọng, hàm súc, được sử dụng rất linh hoạt và sáng tạo.
- **Một số từ ngữ** vừa gợi tả, vừa gợi cảm: quyện điều, cô vân.
- **Thủ pháp đối lập, điệp vòng** (điệp liên hoàn) được sử dụng hiệu quả ở câu ba và câu bốn.
- **Chữ “hồng”** được coi là “chữ thần”, là “nhân tự” của bài thơ.

3. Ý nghĩa văn bản : Bài thơ **bộc lộ về đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ** – chiến sĩ Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh; luôn ung dung tự tại và lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống.

THƠ CA CÁCH MẠNG: TỪ ẤY – Tố Hữu

I. Tiểu dẫn :

1. Tác giả : - Tố Hữu (1920-2002), là “lá cờ đầu của thơ ca cách mạng” Việt Nam hiện đại, là nhà thơ trữ tình- chính trị.

- Thơ ông gắn bó song hành với các chặng đường cách mạng đầy gian khổ hi sinh nhưng cũng nhiều thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

2. Bài thơ: - Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 7/1938, Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Để ghi nhận kỉ niệm đáng nhớ ấy với những cảm xúc và suy tư sâu lắng, ông đã viết “Từ ấy”.

- **Xuất xứ:** Bài thơ nằm trong phần “Máu lửa” của tập thơ “Từ ấy”.

II. Đọc – hiểu văn bản :

1. Nội dung: a. Khổ 1: Khổ thơ diễn tả niềm vui sướng, say mê của Tố Hữu trong buổi đầu bắt gặp ánh sáng lí tưởng.

- **Hai câu thơ đầu được viết theo bút pháp tự sự.**

+ Tác giả đã kể lại một kỉ niệm không thể nào quên trong cuộc đời mình : ông được giác ngộ lí tưởng cộng sản và được kết nạp vào hàng ngũ Đảng Cộng Sản.

+ Động từ “bừng”, “chói”, những hình ảnh ẩn dụ “nắng hạ, mặt trời chân lí” đã nhấn mạnh: **lí tưởng Cách Mạng như một nguồn ánh sáng mới, làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ**, mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng và tình cảm.

- **Ở hai câu thơ tiếp theo**, tác giả đã sử dụng khéo léo bút pháp lãng mạn cùng với những hình ảnh so sánh, liên tưởng, nhằm diễn tả cụ thể, sâu sắc niềm hân hoan vui sướng vô hạn của mình trong buổi đầu đến với lí tưởng cộng sản.

b. Khổ 2 : Khi đã có ánh sáng của lí tưởng cách mạng soi rọi, nhà thơ đã có những nhận thức mới về lẽ sống : Động từ “buộc” trong câu “Tôi buộc lòng tôi với mọi người”, các từ “trang trải, trăm nơi”... thể hiện ý thức tự nguyện và quyết tâm cao độ của Tố Hữu muốn vượt qua giới hạn của cái tôi cá nhân để sống chan hoà với mọi người, với cái ta chung, để thực hiện lí tưởng giải phóng giai cấp, dân tộc.

c. Khổ 3: Có được ánh sáng của lí tưởng cách mạng soi rọi, Tố Hữu đã có những chuyển biến sâu sắc trong tình cảm: Điệp từ “là” cùng với các từ “con”, “em”, “anh” và số từ ước lệ “vạn” khẳng định mối quan hệ tình cảm gia đình thật đầm ấm, thân thiết, cho thấy nhà thơ đã cảm nhận sâu sắc mình là một thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ.

2. Nghệ thuật : - **Hình ảnh** tươi sáng, giàu ý nghĩa tượng trưng,

- **Ngôn ngữ** gợi cảm, giàu nhạc điệu,
- **Giọng thơ** sáng khoái, nhịp điệu thơ hăm hở,...

3. Ý nghĩa văn bản : Bài thơ thể hiện **niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn** của tác giả trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản.